

Số: **06** /2013/QĐ-UBND

Lào Cai, ngày **19** tháng 03 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về tổ chức, quản lý và phát triển chợ
trên địa bàn tỉnh Lào Cai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Thương mại ngày 14/06/2005;

Căn cứ Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về Quản lý phát triển chợ;

Căn cứ Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/04/2006 của Chính phủ Quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 130/2006/NĐ-CP ngày 08/11/2006 của Chính phủ quy định chế độ bảo hiểm bắt buộc;

Căn cứ Nghị định 114/2009/NĐ-CP ngày 23/12/2009 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ;

Căn cứ Nghị định số 46/2012/NĐ-CP ngày 22/5/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 35/2003/NĐ-CP ngày 04/4/2003 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy và Nghị định số 130/2006/NĐ-CP ngày 08/11/2006 quy định chế độ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc;

Căn cứ Quyết định số 254/2006/QĐ-TTg ngày 07/11/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc quản lý hoạt động thương mại biên giới với các nước có chung biên giới;

Căn cứ Quyết định số 22/2008/QĐ-BCT ngày 31/07/2008 của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Quy chế chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu;

Căn cứ Thông tư số 06/2003/TT-BTM ngày 15/08/2003 của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương) hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Ban quản lý chợ;

Căn cứ Quyết định số 772/2003/QĐ/BTM ngày 24/06/2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương) về việc ban hành Nội quy mẫu về chợ;

Căn cứ Thông tư số 67/2003/TT-BTC ngày 11/07/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính áp dụng cho Ban quản lý chợ, doanh nghiệp kinh doanh khai thác và quản lý chợ;

Căn cứ Thông tư số 07/2003/TT-BKH ngày 11/09/2003 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn lập các dự án quy hoạch phát triển và đầu tư xây dựng chợ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tỉnh Lào Cai tại Tờ trình số 13/TTr-SCT ngày 18/01/2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này Quy định về tổ chức, quản lý và phát triển chợ trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Công Thương, Nội vụ, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; các thành viên Ban Quản lý chương trình phát triển chợ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 62/2008/QĐ-UB ngày 02/12/2008 của UBND tỉnh Lào Cai về việc ban hành quy định về tổ chức, quản lý và phát triển chợ trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Công Thương;
- Cục Kiểm tra VBQPPL – Bộ Tư Pháp;
- Như Điều 2 (T/h);
- TT:TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Báo Lào Cai;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Các chuyên viên;
- Lưu: VT, THCB, CT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Vịnh

QUY ĐỊNH

Về tổ chức, quản lý và phát triển chợ trên địa bàn tỉnh Lào Cai

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 06/2013/QĐ-UBND ngày 19/03/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng

Quy định này quy định về tổ chức, quản lý và phát triển chợ, áp dụng đối với tổ chức, cá nhân tham gia các hoạt động về chợ trên địa bàn tỉnh Lào Cai bao gồm các lĩnh vực: Quy hoạch phát triển mạng lưới chợ; đầu tư xây dựng mới; sửa chữa, cải tạo nâng cấp chợ; hoạt động kinh doanh khai thác và quản lý chợ; kinh doanh mua bán hàng hoá tại chợ.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Một số từ ngữ trong quy định này được hiểu như sau :

1. Chợ họp thường xuyên: Là chợ họp tất cả các ngày trong tuần.
2. Chợ phiên: Là chợ họp không thường xuyên, theo phiên định kỳ vào các ngày cố định trong tuần hoặc trong tháng.
3. Vốn do nhà nước đầu tư : Bao gồm vốn từ ngân sách trung ương, địa phương và các nguồn viện trợ không hoàn lại.
4. Các từ ngữ: "Phạm vi chợ", "Chợ đầu mối", "Chợ kiên cố", "Chợ bán kiên cố", "Điểm kinh doanh" "Chợ chuyên doanh" "Chợ tổng hợp" "Chợ dân sinh" "Chợ biên giới" "Chợ tạm" "Chợ nông thôn" "Chợ miền núi" "Chợ cửa khẩu" "Chợ trong khu kinh tế cửa khẩu" "Doanh nghiệp kinh doanh, quản lý chợ" "Hợp tác xã kinh doanh, quản lý chợ" được hiểu theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ và quy định tại khoản 1 điều 1 Nghị định số 114/2009/NĐ-CP ngày 23/12/2009 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ.

Điều 3. Phân hạng chợ

1. Chợ hạng 1: Là chợ có đủ điều kiện sau đây:
 - a) Có trên 400 điểm kinh doanh;
 - b) Được đầu tư xây dựng kiên cố, hiện đại theo quy hoạch;

c) Nằm tại các trung tâm kinh tế, thương mại của tỉnh, thành phố, thị xã thuộc tỉnh hoặc là chợ đầu mối của ngành hàng, của khu vực kinh tế và được tổ chức họp thường xuyên;

d) Có mặt bằng phù hợp với qui mô hoạt động, có đầy đủ các dịch vụ: Trông giữ xe, kho bảo quản, bốc xếp hàng hóa, dịch vụ đo lường, dịch vụ kiểm tra chất lượng hàng hoá, vệ sinh an toàn thực phẩm và các dịch vụ khác.

2. Chợ hạng 2: Là chợ có đủ điều kiện sau đây

a) Có từ 200 đến 400 điểm kinh doanh;

b) Được đầu tư xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố theo quy hoạch;

c) Được đặt ở trung tâm giao lưu kinh tế của khu vực và được tổ chức họp thường xuyên hoặc không thường xuyên;

d) Có mặt bằng phạm vi chợ phù hợp với quy mô hoạt động chợ và tổ chức các dịch vụ tối thiểu tại chợ : Trông giữ phương tiện; bốc xếp hàng hóa; kho bảo quản hàng hóa; dịch vụ đo lường, vệ sinh an toàn thực phẩm; vệ sinh công cộng.

3. Chợ hạng 3: Là chợ đảm bảo các điều kiện sau đây:

a) Có dưới 200 điểm kinh doanh đã được hoặc chưa được đầu tư xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố;

b) Chủ yếu phục vụ nhu cầu mua bán hàng hóa của nhân dân trong xã, phường và địa bàn phụ cận.

Chương II

QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CHỢ

Điều 4. Quy hoạch phát triển chợ

1. Quy hoạch phát triển mạng lưới chợ phải được xây dựng và điều chỉnh, bổ sung kịp thời gắn liền với quy hoạch phát triển thương mại, quy hoạch sử dụng đất và các quy hoạch khác có liên quan cho phù hợp với thực tiễn tình hình phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương và của tỉnh. Quy hoạch phát triển chợ phải được lập theo những nguyên tắc cơ bản qui định tại Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ; Nghị định số 114/2009/NĐ-CP ngày 23/12/2009 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ.

2. Tất cả các dự án đầu tư xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa lớn, nâng cấp chợ phải thực hiện theo đúng Quy hoạch phát triển mạng lưới chợ trên địa bàn tỉnh đã được UBND tỉnh phê duyệt.

Điều 5. Đầu tư xây dựng chợ

1. Nguồn vốn đầu tư từ nguồn ngân sách địa phương hỗ trợ

a) Chợ đầu mối nông sản, thực phẩm;

b) Chợ hạng 2, hạng 3 ở địa bàn nông thôn, miền núi;

2. Nguồn vốn đầu tư từ nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ

a) Chợ đầu mối chuyên doanh hoặc tổng hợp bán buôn hàng nông sản, thực phẩm để tiêu thụ hàng hóa ở các vùng sản xuất tập trung về nông, lâm, thủy sản;

b) Chợ trung tâm các huyện thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn trong danh mục của phụ lục II ban hành kèm theo nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

c) Hỗ trợ đầu tư xây dựng chợ biên giới và chợ dân sinh xã của các huyện thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn trong Danh mục của Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính Phủ.

3. Nguồn vốn đầu tư từ ngân sách quy định tại khoản 1, khoản 2 điều này, được hỗ trợ đầu tư xây dựng các chợ theo thứ tự ưu tiên như sau :

a) Chợ đang hoạt động có hiệu quả, nằm trong quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng là chợ tạm hoặc chợ có cơ sở vật chất – kỹ thuật bị xuống cấp nghiêm trọng;

b) Chợ trong quy hoạch được duyệt, xây mới tại những xã xây dựng nông thôn mới chưa có chợ, những nơi có nhu cầu về chợ để phục vụ sản xuất, xuất khẩu và đời sống sinh hoạt của nhân dân.

4. UBND tỉnh Lào Cai khuyến khích các tổ chức, cá nhân và các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế đầu tư hoặc góp vốn cùng đầu tư xây dựng chợ trên địa bàn tỉnh.

5. Tổ chức kinh tế đầu tư xây dựng chợ trên địa bàn tỉnh Lào Cai thuộc các thành phần kinh tế ngoài việc được thụ hưởng các chính sách ưu đãi đầu tư theo Nghị định số: 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư, còn được thụ hưởng các chính sách ưu đãi đầu tư khác do UBND tỉnh Lào Cai quy định, phù hợp với từng thời kỳ, từng khu vực.

6. Tổ chức kinh tế đầu tư xây dựng chợ được quyền

a) Huy động vốn của các tổ chức, cá nhân xây dựng chợ trên cơ sở thoả thuận bằng văn bản với thương nhân đăng ký sử dụng hoặc thuê địa điểm kinh doanh;

b) Sử dụng quyền sử dụng đất và các công trình trong phạm vi chợ thuộc quyền sử dụng của mình để thế chấp vay vốn tín dụng ngân hàng theo quy định hiện hành cho việc sửa chữa lớn, cải tạo, nâng cấp chợ.

Điều 6. Quy định về Dự án đầu tư xây dựng chợ và bố trí các công trình trong phạm vi chợ

1. Các dự án xây dựng chợ mới hoặc sửa chữa lớn, cải tạo, nâng cấp chợ phải tuân theo các quy định hiện hành về quản lý đầu tư xây dựng, ý kiến bằng văn bản của Sở Công Thương về quy hoạch và được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Việc bố trí các công trình trong phạm vi chợ của Dự án đầu tư xây dựng chợ phải thực hiện đúng các quy trình quy phạm về xây dựng chợ, đồng thời phải đảm bảo các yêu cầu cụ thể sau:

a) Bố trí đầy đủ mặt bằng và các trang thiết bị phục vụ cho công tác phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

b) Bố trí khu vực trồng cây xanh, các công trình cấp thoát nước, khu vệ sinh công cộng, các thiết bị chiếu sáng, thông gió, khu gom rác, bảo đảm vệ sinh môi trường trong phạm vi chợ;

c) Bố trí khu để phương tiện có diện tích phù hợp với đặc điểm loại phương tiện, dung lượng người vào chợ bảo đảm trật tự, an toàn và thuận tiện cho khách;

d) Bố trí mặt bằng thích hợp để sắp xếp các hộ, cá nhân thuộc diện sản xuất nhỏ tự tiêu thụ sản phẩm của mình, hàng rong, quà vật...;

đ) Đối với chợ loại 1, loại 2 và các chợ đầu mối chuyên ngành phải bố trí khu kho bảo quản, cất giữ hàng hoá, phù hợp với các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm, quy mô và tính chất của chợ;

e) Các công trình chợ phải được thiết kế, xây dựng phù hợp với bản sắc văn hoá của đồng bào địa phương và cảnh quan của khu vực;

g) Đối với đầu tư xây dựng chợ chuyên doanh hoặc kết hợp kinh doanh đại gia súc, thực hiện theo quy định tại điều 7 Quyết định số 48/2010/QĐ-UBND ngày 24/12/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về quản lý các chợ mua bán đại gia súc trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Chương III

QUẢN LÝ, KINH DOANH VÀ KHAI THÁC CHỢ

Điều 7. Quản lý, kinh doanh và khai thác đối với chợ được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước

Chợ do nhà nước đầu tư hoặc hỗ trợ vốn đầu tư xây dựng được tổ chức, quản lý, kinh doanh khai thác theo một trong các hình thức sau

1. Ban Quản lý chợ

Ban quản lý chợ là đơn vị sự nghiệp có thu; có tư cách pháp nhân; có con dấu và tài khoản riêng tại kho bạc nhà nước và trực thuộc UBND cấp thẩm quyền quyết định thành lập theo quy định tại Điều 15, Nghị định 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 về phát triển và quản lý chợ.

a) Về biên chế:

- Ban quản lý chợ hạng 1: Có không quá 05 biên chế sự nghiệp trong đó có 1 Trưởng ban; 1 đến 2 Phó Trưởng ban và 1 kế toán.

- Ban quản lý chợ hạng 2: Có không quá 04 biên chế trong đó có 1 Trưởng ban; 1 Phó Trưởng ban và 1 kế toán.

- Ban quản lý chợ hạng 3: Có không quá 03 biên chế trong đó có 1 Trưởng ban, 1 kế toán

b) Thẩm quyền thành lập Ban quản lý chợ:

- Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập và giao chỉ tiêu biên chế và bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật các chức danh Trưởng ban, Phó trưởng ban và kế toán của chợ hạng 1 theo đề nghị của Giám đốc sở Nội vụ.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định việc giao chỉ tiêu biên chế và bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật các chức danh Trưởng ban, Phó trưởng ban và kế toán của chợ hạng 2 và chợ hạng 3 theo đề nghị của Trưởng phòng Nội vụ cấp huyện.

Tuỳ theo tính chất, đặc điểm, khối lượng công việc và khả năng tài chính, Trưởng ban quản lý chợ quyết định việc tổ chức các bộ phận chuyên môn nghiệp vụ giúp việc quản lý, điều hành chợ hoạt động và tổ chức các dịch vụ tại chợ; ký kết hợp đồng tuyển dụng lao động; các hợp đồng khác với các cơ quan doanh nghiệp về đảm bảo công tác phòng cháy, chữa cháy, vệ sinh môi trường, an ninh trật tự và an toàn thực phẩm trong phạm vi chợ theo quy định của pháp luật.

c) Trưởng Ban Quản lý chợ phải có trình độ chuyên môn từ trung cấp kinh tế trở lên, cán bộ còn lại của Ban quản lý chợ phải qua đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý hoạt động kinh doanh chợ.

d) Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban quản lý chợ thực hiện theo quy định của Thông tư số 06/2003/TT-BTM ngày 15/8/2003 của Bộ Thương mại Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của Ban quản lý chợ. Ngoài ra Ban quản lý chợ còn có trách nhiệm mua bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc đối với tài sản chợ theo quy định tại Nghị định 130/2006/NĐ-CP ngày 08/11/2006 của Chính Phủ quy định chế độ bảo hiểm bắt buộc và các văn bản hướng dẫn liên quan.

đ) Ban quản lý chợ được áp dụng cơ chế tài chính theo quy định tại Nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ Quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 67/2003/TT-BTC ngày 11/7/2003 của Bộ Tài chính Hướng dẫn cơ chế tài chính áp dụng cho Ban quản lý chợ, doanh nghiệp kinh doanh khai thác và quản lý chợ và các văn bản hướng dẫn liên quan.

2. Tổ quản lý chợ:

a) Tổ Quản lý chợ: Tổ quản lý chợ nơi có chợ hạng 3 hợp không thường xuyên chưa được đầu tư xây dựng kiên cố do UBND cấp xã hoặc tương đương thành lập hoặc giải thể.

- Tổ quản lý chợ có không quá 03 lao động trong đó có 1 tổ trưởng, không thuộc biên chế sự nghiệp nhà nước, hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm hoặc không kiêm nhiệm.

b) Tổ quản lý chợ có nhiệm vụ:

- Bố trí sắp xếp địa điểm kinh doanh trong chợ.

- Xây dựng nội quy chợ trình UBND cấp huyện phê duyệt và tổ chức điều hành hoạt động chợ theo nội quy.

- Tổ chức đảm bảo phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường, an ninh trật tự và phối kết hợp với các ngành chức năng thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm.

- Tổ chức dịch vụ trông giữ phương tiện.

- Tổ chức thu nộp tiền thuê địa điểm kinh doanh và các loại phí và lệ phí theo quy định của pháp luật.

- Quản lý tài sản của chợ.

3. Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh khai thác và quản lý chợ

a) Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh khai thác và quản lý chợ:

Là đơn vị được thành lập, đăng ký kinh doanh, hoạt động theo quy định của pháp luật có đăng ký kinh doanh khai thác và quản lý chợ, được UBND cấp có thẩm quyền giao hoặc trúng thầu khi tham gia đấu thầu lựa chọn đơn vị khai thác, quản lý chợ.

b) Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh khai thác và quản lý chợ có trách nhiệm tổ chức thực hiện các nhiệm vụ theo quy định dưới đây:

- Tổ chức kinh doanh các dịch vụ tại chợ.

- Bảo đảm công tác phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường, an ninh trật tự và phối kết hợp với các ngành chức năng thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm trong phạm vi chợ.

- Xây dựng nội quy chợ theo quy định tại điều 9 Quy định này để trình UBND cấp có thẩm quyền phê duyệt theo phân cấp quản lý chợ; tổ chức điều hành chợ hoạt động theo Nội quy chợ và xử lý về vi phạm Nội quy chợ.

- Bố trí, sắp xếp các khu vực kinh doanh bảo đảm các yêu cầu về trật tự, vệ sinh, văn minh thương mại và phù hợp với yêu cầu của thương nhân kinh doanh tại chợ.

- Ký hợp đồng với thương nhân về việc thuê, sử dụng địa điểm kinh doanh tại chợ và các dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.

- Tổ chức thông tin kinh tế, phổ biến chính sách, quy định của pháp luật và nghĩa vụ đối với Nhà nước của thương nhân kinh doanh tại chợ theo hướng dẫn của các cơ quan chức năng.

- Tổng hợp tình hình hoạt động kinh doanh tại chợ và báo cáo định kỳ cho các cơ quan quản lý Nhà nước theo quy định.

c) Cơ chế tài chính áp dụng cho doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh khai thác và quản lý chợ thực hiện theo quy định tại Thông số 67/2003/TT-BTC ngày 11/7/2003 của Bộ Tài Chính;

Điều 8. Quản lý, kinh doanh khai thác chợ không thuộc nguồn vốn do nhà nước đầu tư

Chợ do các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, doanh nghiệp các thành phần kinh tế đầu tư xây dựng (đơn vị đầu tư chợ) tổ chức kinh doanh khai thác và quản lý chợ theo Luật đầu tư, Luật doanh nghiệp và theo quy định tại điểm b Khoản 3 Điều 7 Quy định này.

Điều 9. Nội qui chợ

Tất cả các chợ đều phải có Nội quy chợ. Nội quy chợ được xây dựng trên cơ sở các quy định tại Điều 10 Nghị định 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ; Quyết định số 772/2003/QĐ-BTM ngày 24/06/2003 của Bộ Thương mại về việc ban hành Nội quy mẫu về chợ. Nội quy này phải được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 10. Qui định về điểm kinh doanh

1. Điểm kinh doanh tại chợ bao gồm:

a) Điểm kinh doanh giao cho thương nhân sử dụng kinh doanh trong trường hợp có hợp đồng góp vốn giữa thương nhân với đơn vị đầu tư chợ để đầu tư xây dựng chợ. Loại này có thời gian sử dụng cùng với thời gian của dự án được duyệt.

b) Điểm kinh doanh cho thương nhân thuê để kinh doanh: Được hình thành như sau:

- Điểm kinh doanh do đơn vị quản lý chợ tổ chức bóc thăm vị trí theo phương án giá được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với các thương nhân đã thuê địa điểm trước khi đầu tư xây dựng lại chợ và các hộ phải giải toả di dời do đầu tư nâng cấp, xây mới chợ có nhu cầu thuê điểm kinh doanh trong chợ: Loại này có kỳ hạn là 5 năm và thanh toán 1 lần trước khi nhận địa điểm kinh doanh.

- Điểm kinh doanh cho thuê trên cơ sở kết quả đấu thầu khi số lượng điểm kinh doanh ít hơn hoặc bằng số lượng thương nhân đăng ký sử dụng. Loại này có kỳ hạn là 5 năm và thanh toán 1 lần trước khi nhận địa điểm kinh doanh .

- Điểm kinh doanh do đơn vị quản lý chợ bố trí sắp xếp khi số lượng điểm kinh doanh lớn hơn số lượng thương nhân đăng ký sử dụng. Loại này có kỳ hạn tối thiểu là 3 năm, tiền thuê trả theo tháng và được thanh toán vào ngày 25 hàng tháng.

2. Diện tích điểm kinh doanh tại chợ

a) Diện tích tối thiểu của mỗi điểm kinh doanh tại chợ dành cho ngành hàng rau hoa quả và thực phẩm tươi sống là 3m².

b) Diện tích tối thiểu của mỗi điểm kinh doanh tại chợ hạng 1, hạng 2 dành cho ngành hàng không phải rau hoa quả và thực phẩm tươi sống là $9m^2$, đối với chợ hạng 3 được xây dựng kiên cố là $6m^2$.

3. Nguyên tắc bố trí địa điểm kinh doanh

a) Ưu tiên bố trí đủ địa điểm kinh doanh cho các thương nhân đã thuê điểm kinh doanh tại chợ và các hộ phải giải toả di dời trước khi đầu tư xây dựng lại chợ theo mức giá thuê do đơn vị quản lý khai thác chợ xây dựng trình UBND cấp có thẩm quyền phê duyệt. Giá thuê cho từng điểm kinh doanh được xác định trên cơ sở chi phí đầu tư hợp lý và hệ số lợi thế thương mại.

b) Trừ trường hợp quy định tại Điểm a; Tiết thứ nhất và Tiết thứ ba Điểm b Khoản 1 điều này, tất cả mọi thương nhân lần đầu thuê địa điểm kinh doanh tại chợ được đầu tư kiên cố đều phải tham gia đấu thầu trực tiếp. Mức giá cho thuê địa điểm kinh doanh là kết quả đấu thầu trực tiếp theo vị trí điểm kinh doanh.

4. Kết thúc mỗi kỳ hạn thuê địa điểm, đơn vị quản lý khai thác chợ xây dựng phương án giá thuê địa điểm kinh doanh phù hợp với mặt bằng giá thời điểm, trình UBND cấp có thẩm quyền phê duyệt. Ưu tiên cho thương nhân đang kinh doanh tại điểm đó tiếp tục thuê để bán hàng. Trường hợp thương nhân đã thuê kỳ trước không có nhu cầu thuê lại thì tổ chức đấu thầu để thu hút thương nhân khác.

5. Thương nhân đã ký hợp đồng và trả tiền thuê địa điểm nhưng trong thời gian quá 12 tháng liên tục kể từ ngày nhận địa điểm kinh doanh không tổ chức kinh doanh, đơn vị quản lý, khai thác chợ được quyền thanh lý hợp đồng phần thời gian còn lại mà không phải bồi thường cho thương nhân.

6. Đơn vị quản lý khai thác chợ có trách nhiệm lập phương án bố trí, sắp xếp ngành nghề kinh doanh, sử dụng địa điểm kinh doanh tại chợ, trình UBND cấp có thẩm quyền phê duyệt. Ký hợp đồng với thương nhân được giao, thuê địa điểm kinh doanh tại chợ.

Điều 11. Quy định đối với thương nhân kinh doanh tại chợ

Thương nhân bao gồm tổ chức kinh tế được thành lập hợp pháp, cá nhân hoạt động thương mại một cách độc lập, thường xuyên và có đăng ký kinh doanh.

1. Thương nhân kinh doanh tại chợ phải thực hiện theo phương án bố trí, sắp xếp ngành nghề kinh doanh của chủ thể quản lý chợ.

2. Thương nhân kinh doanh tại chợ ngoài việc chấp hành các quy định của pháp luật còn phải thực hiện nội quy chợ và chịu sự quản lý của chủ thể quản lý chợ.

3. Thương nhân được sang nhượng điểm kinh doanh hoặc cho thương nhân khác thuê lại điểm kinh doanh với thời gian sang nhượng, cho thuê phù hợp với thời hạn còn lại của hợp đồng. Việc sang nhượng điểm kinh doanh chỉ được thực hiện khi có xác nhận của đơn vị quản lý khai thác chợ về việc hoàn thành

nghĩa vụ tài chính liên quan đến địa điểm sang nhượng. Người mua, thuê lại điểm kinh doanh được hưởng các quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký với đơn vị quản lý khai thác chợ.

4. Thương nhân có điểm kinh doanh hợp pháp tại chợ (Trừ điểm kinh doanh theo quy định tại tiết thứ 3 điểm b, khoản 1, điều 10) có thể sử dụng điểm kinh doanh để thế chấp vay vốn kinh doanh tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật.

5. Thương nhân phải tự giác mua bảo hiểm hàng hoá của mình kinh doanh tại các chợ.

6. Những người thuộc diện sản xuất nhỏ, tự tiêu thụ sản phẩm của mình (nông dân, thợ thủ công...) và những người buôn bán nhỏ, hàng rong, quà vật được bố trí bán hàng trong chợ tại khu vực riêng dành cho người kinh doanh không thường xuyên.

7. Thương nhân của nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa kinh doanh tại các chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của tỉnh Lào Cai: Phải được Sở Công Thương hoặc cơ quan do Sở Công Thương uỷ quyền (đối với chợ biên giới, chợ cửa khẩu) hoặc Ban Quản lý kinh tế cửa khẩu (đối với chợ trong khu kinh tế cửa khẩu) cấp Giấy phép kinh doanh tại các chợ này theo quy định hiện hành.

Điều 12. Qui định về hàng hoá, dịch vụ

1. Quy định chung về hàng hoá dịch vụ kinh doanh tại chợ:

Hàng hoá, dịch vụ kinh doanh tại chợ: Là hàng hoá, dịch vụ không thuộc danh mục pháp luật cấm kinh doanh, đồng thời không thuộc các loại sau đây:

- a) Hàng hoá có chứa chất phóng xạ và thiết bị phát bức xạ ion hoá;
- b) Các loại vật liệu nổ, các loại chất lỏng dễ gây cháy nổ như: xăng, dầu (trừ dầu hoả thấp sáng) khí đốt hoá lỏng (gas), các loại khí nén;
- c) Các loại thuốc bảo vệ thực vật thuộc danh mục hạn chế kinh doanh;
- d) Các loại hoá chất độc hại thuộc danh mục kinh doanh có điều kiện.

2. Hàng hoá lưu thông trong chợ cửa khẩu, chợ biên giới, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu:

Ngoài thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều này còn phải thực hiện theo quy định tại Điều 10 Quyết định số 22/2008/QĐ-BCT ngày 31/07/2008 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc ban hành Quy chế chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu trên đất liền giữa Việt Nam với các nước có chung biên giới.

Chương IV

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CHỢ

Điều 13. Trách nhiệm của Sở Công Thương

1. Trình UBND tỉnh phê duyệt phương án sử dụng địa điểm kinh doanh và bố trí, sắp xếp các ngành nghề kinh doanh tại chợ hạng 1.
2. Trình UBND tỉnh Quy định cụ thể việc sử dụng, thuê, thời hạn và các biện pháp quản lý địa điểm kinh doanh tại chợ.
3. Tham mưu giúp UBND tỉnh xây dựng qui hoạch, quản lý qui hoạch mạng lưới chợ trên địa bàn tỉnh.
4. Tổ chức điều tra phân loại lại tất cả các chợ theo quy định tại Điều 3 Quy định này.
5. Phối hợp quản lý, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ về chợ đối với các chủ thể kinh doanh khai thác và quản lý chợ.
6. Phối hợp với các cơ quan liên quan và UBND các huyện, thành phố lập phương án và kế hoạch tổ chức từng bước chuyển giao tất cả các loại chợ sang doanh nghiệp kinh doanh khai thác và quản lý chợ.
7. Trình UBND tỉnh ban hành nội quy chợ mẫu và phê duyệt Nội quy chợ hạng 1. Hướng dẫn xây dựng Nội quy phù hợp với từng hạng chợ.
8. Chấp thuận bằng văn bản điểm quy hoạch các dự án đầu tư xây dựng chợ.
9. Là đầu mối tổ chức đào tạo chuyên môn nghiệp vụ cho các đối tượng là các chủ thể kinh doanh khai thác và quản lý chợ và thương nhân kinh doanh tại chợ.
10. Tổng hợp, báo cáo hoạt động của chợ với UBND tỉnh và Bộ Công Thương.

Điều 14. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư

1. Chủ trì phối hợp với các ngành liên quan xây dựng chính sách ưu đãi đầu tư vào lĩnh vực đầu tư kinh doanh chợ. Hàng năm bố trí vốn chương trình mục tiêu cho đầu tư xây dựng các chợ nông thôn, vùng sâu, vùng xa theo quy hoạch được duyệt.
2. Trình UBND tỉnh Quyết định giao hoặc tổ chức đấu thầu, lựa chọn doanh nghiệp đầu tư, kinh doanh khai thác và quản lý chợ và phê duyệt dự án xây dựng chợ từ vốn ngân sách nhà nước có giá trị trong thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh.

Điều 15. Trách nhiệm của Sở Tài chính

Triển khai hướng dẫn thống nhất cơ chế tài chính của các Ban quản lý chợ theo quy định tại Nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn liên quan.

Thẩm định giá khởi điểm khi tổ chức đấu thầu, đấu giá (lựa chọn doanh nghiệp, Hợp tác xã quản lý khai thác chợ, đấu giá điểm kinh doanh) đối với các chợ được đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước, trình UBND tỉnh xem xét phê duyệt.

Điều 16. Trách nhiệm của Sở Y tế

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan, UBND các huyện thành phố, hướng dẫn, kiểm tra các sản phẩm hàng hóa nhằm đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm trong phạm vi chợ.

Điều 17. Trách nhiệm của Công an tỉnh

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị có liên quan, UBND các huyện, thành phố chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra công tác phòng cháy, chữa cháy và xử lý các vi phạm theo thẩm quyền tại các chợ theo quy định.

Điều 18. Trách nhiệm của Sở Nội vụ

Trình UBND tỉnh Quyết định thành lập, giải thể và quy định chức năng nhiệm vụ quyền hạn, tổ chức của ban quản lý chợ hạng 1 do nhà nước đầu tư.

Điều 19. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

Hướng dẫn, chỉ đạo giám sát việc thi công xây dựng các công trình về chợ đảm bảo theo đúng quy định tại quyết định 13/2006/QĐ-BXD ngày 19/4/2006 của Bộ Xây dựng Quyết định về việc ban hành TCXDVN 361 : 2006 “chợ – Tiêu chuẩn thiết kế”; hướng dẫn nghiệp vụ chuyên môn cho Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố về quy hoạch và kiến trúc trong quá trình thực hiện quy hoạch tại địa phương, quy hoạch tập trung theo hướng phát triển các chợ văn minh, hiện đại, tiện ích và an toàn.

Điều 20. Trách nhiệm của Sở Tài Nguyên và Môi trường

1. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố lập quy hoạch sử dụng đất, dành quỹ đất và sử dụng đất để đầu tư xây dựng chợ.

2. Chỉ đạo, hướng dẫn UBND các huyện thành phố trong công tác bảo đảm vệ sinh môi trường tại các chợ trên địa bàn

Điều 21. Trách nhiệm của Ban Quản lý các cửa khẩu

Cấp Giấy phép kinh doanh cho các thương nhân nước ngoài tại các chợ trong Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Lào Cai theo quy định.

Điều 22. Trách nhiệm của Liên minh các Hợp tác xã

Chủ trì, phối hợp với sở Công Thương và các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, tuyên truyền, phổ biến trong khu vực kinh tế tập thể về pháp luật, chính sách phát triển quản lý chợ và mô hình hợp tác xã kinh doanh, quản lý chợ hoạt động có hiệu quả.

Điều 23. Các sở ngành liên quan khác

Triển khai các nhiệm vụ liên quan thuộc chức năng trong công tác tổ chức, quản lý, phát triển chợ.

Điều 24. Trách nhiệm của UBND huyện, thành phố

1. Phê duyệt dự án xây dựng chợ từ vốn ngân sách nhà nước có giá trị trong thẩm quyền quyết định của UBND cấp huyện

2. Quyết định thành lập, giải thể và qui định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Ban quản lý chợ hạng 2, chợ hạng 3 và tổ quản lý chợ được đầu tư từ nguồn vốn nhà nước.

3. Phê duyệt phương án sử dụng địa điểm kinh doanh và bố trí, sắp xếp các ngành nghề kinh doanh tại chợ của chợ hạng 2 và hạng 3:

4. Phê duyệt nội quy các chợ hạng 2, chợ hạng 3.

5. Tổng hợp, báo cáo hoạt động của chợ trên địa bàn với Sở Công Thương và UBND tỉnh.

Điều 25. Trách nhiệm của UBND xã, phường, thị trấn

Quản lý các chợ hạng 3 và phối hợp với các cơ quan cấp tỉnh, huyện quản lý các hoạt động chợ trên địa bàn.

1. Trình UBND cấp huyện Quyết định thành lập, giải thể và qui định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của tổ quản lý chợ và quản lý hoạt động của Tổ quản lý chợ.

2. Phê duyệt dự toán thu chi, báo cáo quyết toán thu chi cho Tổ quản lý chợ.

3. Tổng hợp, báo cáo hoạt động của các chợ trên địa bàn với UBND cấp huyện

4. Thực hiện các nhiệm vụ khác liên quan tới hoạt động chợ theo quy định của pháp luật.

Chương V

KHEN THƯỞNG, XỬ LÝ VI PHẠM VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 26. Khen thưởng

Tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc xây dựng phát triển và quản lý chợ được khen thưởng theo qui định của Nhà nước và của UBND tỉnh Lào Cai.

Điều 27. Xử lý vi phạm

1. Các tổ chức, cá nhân hoạt động quản lý, kinh doanh, khai thác chợ và các đối tượng tham gia mua bán, trao đổi hàng hoá, dịch vụ và các hoạt động khác tại chợ vi phạm các quy định pháp luật và quy định này tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt hành chính, thu hồi địa điểm kinh doanh, bồi thường thiệt hại và nghiêm trọng sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo qui định của pháp luật.

2. Các vi phạm pháp luật tại chợ được xử lý theo quy định hiện hành của pháp luật.

3. Các vi phạm nội quy chợ do chủ thể quản lý chợ xử lý theo quy định của Nội quy chợ.

Điều 28. Tổ chức thực hiện

Giao Sở Công Thương chủ trì phối hợp với các sở ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố tổ chức triển khai thực hiện quy định này.

Trong quá trình thực hiện có vướng mắc hoặc cần điều chỉnh bổ sung các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh về Sở Công Thương để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Vịnh